

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013



Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 52914 ngày 16 tháng 6 năm 1997

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000102 ngày 26 tháng 4 năm 2004

Giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng là giấy phép đầu tư số 52914 ngày 12 tháng 11 năm 2003 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000102 ngày 5 tháng 1 năm 2011. Giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ngô Thị Thông	Chủ tịch
	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
	Huỳnh Quốc Thái	Thành viên
	Trịnh Minh Hưng	Thành viên
	Nguyễn Huy Hùng	Thành viên
	Nguyễn Khánh Linh	Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2013) (đến ngày 25 tháng 4 năm 2013)

Ban Giám đốc	Ngô Thị Thông	Tổng Giám đốc
	Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Huỳnh Quốc Thái	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký	Xã Phước Thái, Huyện Long Thành Tỉnh Đồng Nai Việt Nam
-----------------------	--

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế Toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trình bày từ trang 4 đến trang 34 đã được lập và trình bày phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ngô Thị Hồng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 8 năm 2013



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet: www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ VIỆC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Ngô Han (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, trình bày từ trang 4 đến trang 34 được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2013. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là phát hành báo cáo soát xét về các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của đơn vị và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Dựa trên công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện gì để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-01-193



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2013

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		694.118.999.458	678.194.451.024
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	25.823.240.324	48.967.758.794
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	9.617.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		9.617.000.000	-
Các khoản phải thu	130	6	292.641.299.239	287.806.107.619
Phải thu khách hàng	131		270.040.362.561	274.102.693.988
Trả trước cho người bán	132		12.361.549.623	11.585.546.843
Phải thu khác	135		10.507.101.472	2.385.581.205
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(267.714.417)	(267.714.417)
Hàng tồn kho	140	7	344.343.754,066	326.597.383.658
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.693.705.829	14.823.200.953
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.093.002.336	1.155.221.389
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.593.920.361	13.580.200.634
Thuế và các khoản phải thu Ngân sách Nhà nước	154		-	80.995.798
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.783.132	6.783.132
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		108.227.058.882	110.204.018.523
Tài sản cố định	220		99.204.194.142	102.480.362.850
Tài sản cố định hữu hình	221	8	77.400.363.373	66.891.869.703
Nguyên giá	222		197.473.744.444	180.232.073.273
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(120.073.381.071)	(113.340.203.570)
Tài sản cố định vô hình	227	9	14.685.060.000	14.777.451.750
Nguyên giá	228		16.954.389.818	16.954.389.818
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.269.329.818)	(2.176.938.068)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	7.118.770.769	20.811.041.397
Tài sản dài hạn khác	260		9.022.864.740	7.723.655.673
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.562.758.925	3.069.898.414
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		180.273.003	180.273.003
Tài sản dài hạn khác	268		5.279.832.812	4.473.484.256
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		802.346.058.340	788.398.469.547

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

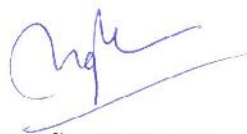
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		511.663.211.253	513.856.879.814
Nợ ngắn hạn	310		511.663.211.253	513.856.879.814
Vay ngắn hạn	311	12	220.284.473.107	388.189.565.523
Phải trả người bán	312		265.772.553.445	12.262.827.925
Người mua ứng trước	313		541.282.237	1.940.242.679
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	13	15.395.217.335	14.401.013.051
Phải trả người lao động	315		1.479.721.778	1.450.097.000
Chi phí phải trả	316	14	2.045.049.660	89.840.798.813
Phải trả nội bộ	317		45.800.000	6.500.000
Phải trả khác	319	15	6.099.113.691	5.765.834.823
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		290.682.847.087	274.541.589.733
Vốn chủ sở hữu	410	16	290.682.847.087	274.541.589.733
Vốn cổ phần	411	17	229.506.273.435	229.506.273.435
Cổ phiếu quỹ	414		(35.760.000)	(127.160.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		35.760.000	127.160.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		61.176.573.652	45.035.316.298
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		802.346.058.340	788.398.469.547

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	-	231.200.055
Ngoại tệ (USD, EUR)	649.294.357	352.985.787

Ngày 13 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Tổng doanh thu	01	18	778.898.998.455	719.662.614.557
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(383.813.186)	(50.389.716)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10		778.515.185.269	719.612.224.841
Giá vốn hàng bán	11	19	(725.866.046.974)	(681.914.492.455)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		52.649.138.295	37.697.732.386
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	770.989.564	1.976.254.425
Chi phí tài chính	22	21	(18.807.898.955)	(10.681.524.424)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(10.185.261.065)	(7.205.352.348)
Chi phí bán hàng	24		(5.955.897.550)	(3.711.948.913)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(7.155.447.412)	(7.787.445.750)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		21.500.883.942	17.493.067.724
Thu nhập khác	31		401.195.085	160.800.002
Chi phí khác	32		(4.768.000)	(92.139.230)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		396.427.085	68.660.772
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		21.897.311.027	17.561.728.496
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	22	(5.472.164.440)	(3.140.804.753)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	22	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế (60 = 50 + 51 + 52)	60		16.425.146.587	14.420.923.743
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	716	628

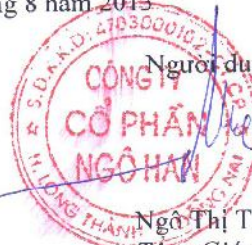
Ngày 13 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		21.897.311.027	17.561.728.496
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		6.935.569.251	8.847.364.316
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		4.925.574.915	-
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05		(383.856.616)	(269.057.228)
Chi phí lãi vay	06		10.185.261.065	7.205.352.348
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		43.559.859.642	33.345.387.932
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(21.384.915.549)	(78.373.108.361)
Biến động hàng tồn kho	10		(17.746.370.408)	102.045.408.655
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		159.706.501.991	(41.570.042.354)
Biến động chi phí trả trước	12		(374.292.458)	-
			163.760.783.218	15.447.645.872
Lãi vay đã trả	13		(10.714.608.984)	(8.150.485.288)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(2.490.478.096)	(1.236.167.332)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(283.889.233)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		150.271.806.905	6.060.993.252
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.522.098.099)	(15.388.945.961)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22		18.963.636	-
Thu lãi tiền gửi	27		364.892.980	269.057.228
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(4.138.241.483)	(15.119.888.733)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		440.198.478.829	586.430.761.572
Chi trả nợ gốc vay	34		(609.465.472.721)	(549.256.362.621)
Chi trả cổ tức	36		(11.090.000)	(23.469.646.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(169.278.083.892)	13.704.752.351
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(23.144.518.470)	4.645.856.870
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		48.967.758.794	22.072.363.390
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	25.823.240.324	26.718.220.260

Ngày 13 tháng 8 năm 2013

Người lập:


 Nguyễn Thị Hương
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Ngô Thị Thông
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nguyên liệu đồng, nhôm, dây và cáp điện; mua bán nguyên liệu đồng, nhôm, sơn cách điện, giấy cách điện, dây điện tử, dây và cáp điện; và mua bán phế liệu phế thải đồng và nhôm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm công ty"). Chi tiết công ty con, được thành lập tại Việt Nam, như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Phần trăm sở hữu thực tế
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Ngô Han	Mua bán kim loại, quặng kim loại, máy móc và thiết bị và linh kiện điện tử; lắp đặt mạng lưới điện; bán lẻ đồ gia dụng; mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc nông nghiệp.	0311440941	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Nhóm công ty có 293 nhân viên (31 tháng 12 năm 2012: 273 nhân viên) và Công ty có 274 nhân viên (31 tháng 12 năm 2012: 258 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Các báo cáo này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(b) Cơ sở hạch toán

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ báo cáo

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt, trừ khoản đầu tư mới mà Ban Giám đốc có ý định bán khoản đầu tư này trong một tương lai gần.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ nhóm công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng	5 – 25 năm
▪ máy móc	3 – 12 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng không xác định được ghi theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thuyết minh về tính trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Nhóm công ty và đặc tính và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Nhóm công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Nhóm công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Nhóm công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Nhóm công ty không có cổ phiếu nào có nguy cơ sụt giảm giá trị.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Nhóm công ty hoạt động trong một lĩnh vực hoạt động kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dây cáp điện và một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	142.850.893	332.278.723
Tiền gửi ngân hàng	15.211.292.459	20.304.810.962
Tương đương tiền	10.469.096.972	28.330.669.109
	<hr/>	<hr/>
	25.823.240.324	48.967.758.794
	<hr/>	<hr/>

5. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Khoản đầu tư này thể hiện khoản đầu tư vào 96.17% vốn của Công ty Cổ phần Nước Khoáng Cúc Phương do kết quả của việc cần trừ khoản phải thu 9.6 tỷ VND từ một khách hàng của Công ty là công ty TNHH Quang Trung. Các khoản đầu tư không được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì Ban Giám đốc có ý định bán các khoản đầu tư này trong một tương lai gần.

6. Các khoản phải thu

Phải thu khác bao gồm:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tạm ứng	10.299.066.922	2.154.453.699
Ký quỹ ngắn hạn	121.644.500	208.144.500
Phải thu khác	86.390.050	22.983.006
	<hr/>	<hr/>
	10.507.101.472	2.385.581.205
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 các khoản phải thu có giá trị ghi sổ 21.768 triệu VND (31 tháng 12 năm 2012: 51.965 triệu VND) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

7. Hàng tồn kho

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	63.698.538.790	87.319.931.630
Nguyên vật liệu	75.580.972.476	45.989.291.612
Công cụ và dụng cụ	6.366.827.377	8.294.213.146
Sản phẩm dở dang	3.365.814.213	2.549.760.490
Thành phẩm	168.235.313.393	156.794.337.843
Hàng hóa	27.096.281.187	25.649.842.307
Hàng gửi đi bán	6.630	6.630
	<hr/>	<hr/>
	344.343.754.066	326.597.383.658

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 135.465 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 214.603 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà xưởng VND	Máy móc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	23.174.512.237	145.663.187.973	1.581.611.512	9.812.761.551	180.232.073.273
Tăng trong kỳ	-	299.055.636	-	293.936.364	592.992.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	16.258.886.383	499.792.788	-	16.758.679.171
Thanh lý	-	-	-	(110.000.000)	(110.000.000)
Số dư cuối kỳ	23.174.512.237	162.221.129.992	2.081.404.300	9.996.697.915	197.473.744.444
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	5.786.358.033	100.744.637.338	1.293.623.039	5.515.585.160	113.340.203.570
Khấu hao trong kỳ	489.361.032	5.745.722.109	127.543.164	480.551.196	6.843.177.501
Thanh lý	-	-	-	(110.000.000)	(110.000.000)
Số dư cuối kỳ	6.275.719.065	106.490.359.447	1.421.166.203	5.886.136.356	120.073.381.071
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	17.388.154.204	44.918.550.635	287.988.473	4.297.176.391	66.891.869.703
Số dư cuối kỳ	16.898.793.172	55.730.770.545	660.238.097	4.110.561.559	77.400.363.373

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 42.498 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 41.469 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 15.673 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 15.225 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	14.685.060.000	2.269.329.818	16.954.389.818
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	2.176.938.068	2.176.938.068
Khấu hao trong kỳ	-	92.391.750	92.391.750
Số dư cuối kỳ	-	2.269.329.818	2.269.329.818
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	14.685.060.000	92.391.750	14.777.451.750
Số dư cuối kỳ	14.685.060.000	-	14.685.060.000

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản trị giá 2.269 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 606 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	20.811.041.397	23.418.094.872
Tăng trong kỳ	3.122.757.543	14.434.267.252
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(16.758.679.171)	(1.400.024.881)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(56.349.000)	-
Số dư cuối kỳ	7.118.770.769	36.452.337.243
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:		
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Máy móc	1.472.407.040	17.668.077.447
Nhà xưởng	5.646.363.729	3.086.614.950
Phần mềm vi tính	-	56.349.000
	7.118.770.769	20.811.041.397

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ	
	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	3.069.898.414	5.025.480.820
Tăng trong kỳ	2.092.557.785	1.696.862.803
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	56.349.000	-
Phân bổ trong kỳ	(1.656.046.274)	(2.542.974.049)
Số dư cuối kỳ	3.562.758.925	4.179.369.574

12. Vay ngắn hạn

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	220.284.473.107	388.189.565.523

Điều kiện và điều khoản của khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	5% - 7,5%	16.985.100.000	37.693.388.936
Khoản vay ngân hàng 2	USD	5,2% - 6%	203.299.373.107	350.496.176.587
			220.284.473.107	388.189.565.523

Khoản vay ngắn hạn được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 15.673 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 15.225 triệu VND); các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 21.768 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 51.965 triệu VND) và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 135.465 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 214.603 triệu VND).

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

13. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	9.788.585.186	11.853.591.387
Thuế nhập khẩu	150.744.288	145.254.349
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.383.853.659	2.402.167.315
Thuế thu nhập cá nhân	72.034.202	-
	<hr/>	<hr/>
	15.395.217.335	14.401.013.051

14. Chi phí phải trả

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	55.652.251	585.000.170
Lương tháng 13 và thưởng	1.279.342.564	2.574.550.069
Phí dịch vụ chuyên môn	157.054.844	104.767.344
Mua nguyên vật liệu	-	86.576.481.230
Khác	553.000.001	-
	<hr/>	<hr/>
	2.045.049.660	89.840.798.813

15. Phải trả khác

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	815.305.196	815.952.212
Tài sản thừa chờ xử lý (*)	285.188.644	292.411.644
Nguyên vật liệu giữ hộ để gia công	37.644.923	37.644.923
Cô tức phải trả	4.145.856.273	4.156.946.273
Phải trả khác	815.118.655	462.879.771
	<hr/>	<hr/>
	6.099.113.691	5.765.834.823

(*) Tài sản thừa chờ xử lý trình bày hàng tồn kho thừa được tìm thấy trong quá trình kiểm kho.

Công ty Cổ phần Ngõ Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	229.506.273.435	(127.160.000)	127.160.000	60.253.827.272	289.760.100.707
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	14.420.923.743	14.420.923.743
Cổ tức	-	-	-	(22.937.911.000)	(22.937.911.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2012	229.506.273.435	(127.160.000)	127.160.000	51.736.840.015	281.243.113.450
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	16.236.387.283	16.236.387.283
Cổ tức	-	-	-	(22.937.911.000)	(22.937.911.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	229.506.273.435	(127.160.000)	127.160.000	45.035.316.298	274.541.589.733
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	16.425.146.587	16.425.146.587
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(283.889.233)	(283.889.233)
Cổ phiếu quỹ cấp cho nhân viên như cổ phiếu thưởng	-	91.400.000	(91.400.000)	-	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	229.506.273.435	(35.760.000)	35.760.000	61.176.573.652	290.682.847.087

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.950.627	229.506.273.435	22.950.627	229.506.273.435
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.950.627	229.506.273.435	22.950.627	229.506.273.435
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(3.576)	(35.760.000)	(12.716)	(127.160.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.947.051	229.470.513.435	22.937.911	229.379.113.435

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013		Năm kết thúc 31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	22.937.911	229.379.113.435	22.937.911	229.379.113.435
Cổ phiếu quỹ phát hành cho nhân viên	9.140	91.400.000	-	-
Số dư cuối kỳ/năm	22.947.051	229.470.513.435	22.937.911	229.379.113.435

18. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

19. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Thành phẩm đã bán	629.821.518.709	588.349.829.273
Hàng hoá mua để bán	7.030.357.071	1.352.505.991
Nguyên vật liệu đã bán	89.014.171.194	91.540.740.023
Khác	-	671.417.168
	<u>725.866.046.974</u>	<u>681.914.492.455</u>

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Thu lãi tiền gửi	364.892.980	269.057.228
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	399.416.330	1.707.197.197
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.680.254	-
	<u>770.989.564</u>	<u>1.976.254.425</u>

21. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí lãi vay	10.185.261.065	7.205.352.348
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.690.382.721	3.476.172.076
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.932.255.169	-
	<u>18.807.898.955</u>	<u>10.681.524.424</u>

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

22. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Giai đoạn hiện hành	5.472.164.440	3.140.804.753

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	21.897.311.027	17.561.728.496
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.474.327.757	4.390.432.124
Ưu đãi thuế	-	(1.249.627.371)
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	(2.163.317)	-
	5.472.164.440	3.140.804.753

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 16.425.146.587 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2012: 14.420.923.743 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 22.947.051 (ngày 30 tháng 6 năm 2012: 22.947.051) được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	16.425.146.587	14.420.923.743
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	16.425.146.587	14.420.923.743

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	22.937.911	22.937.911
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ phát hành cho nhân viên	9.140	9.140
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông trong kỳ	22.947.051	22.947.051

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

24. Công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Nhóm công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ việc sử dụng các công cụ tài chính như sau:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Nhóm công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Nhóm công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Nhóm công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Nhóm công ty.

(i) Trạng thái rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của tài sản tài chính thể hiện mức tổn thất tín dụng tối đa. Mức tổn thất tối đa do rủi ro tín dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	25.680.389.431	48.635.480.071
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	280.279.749.616	276.220.560.776
		<hr/>	<hr/>
		305.960.139.047	324.856.040.847

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngân hàng của Nhóm công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có bất kỳ rủi ro tín dụng đáng kể nào phát sinh từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(iii) Phải thu thương mại và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Nhóm công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc tính cá nhân của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Nhóm công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Nhóm công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Nhóm công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Số dư gộp 30/6/2013 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 30/6/2013 VND	Số dư gộp 31/12/2012 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2012 VND
Trong hạn	182.261.615.337	-	213.690.255.926	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	34.497.924.841	-	26.256.874.263	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	56.659.374.912	-	35.055.497.351	-
Quá hạn trên 180 ngày	7.128.548.943	(267.714.417)	1.485.647.653	(267.714.417)
	280.547.464.033	(267.714.417)	276.488.275.193	(267.714.417)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thức ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả thương mại và phải trả khác	275.442.238.574	275.442.238.574	275.442.238.574
Vay ngắn hạn	220.284.473.107	222.242.586.657	222.242.586.657
	495.726.711.681	497.684.825.231	497.684.825.231

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả thương mại và phải trả khác	109.326.058.561	109.326.058.561	109.326.058.561
Vay ngắn hạn	388.189.565.523	393.130.981.434	393.130.981.434
	497.515.624.084	502.457.039.995	502.457.039.995

Phải trả thương mại và phải trả khác bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả công nhân viên, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác.

Nhóm công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Nhóm công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Nhóm công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là nhằm quản lý và giám sát rủi ro thị trường trong mức chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

(i) Rủi ro tiền tệ

Nhóm công ty phải chịu rủi ro tiền tệ đối với các khoản bán, mua và vay có gốc bằng một đơn vị tiền tệ khác Việt Nam Đồng. Các giao dịch này chủ yếu có gốc bằng Đô la Mỹ (USD) và Đồng Euro (EUR).

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Rủi ro tiền tệ của Nhóm công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro này ở mức chấp nhận được bằng các mua vào hoặc bán ra ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý mức rủi ro quá cao trong ngắn hạn.

Trạng thái rủi ro tiền tệ

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.620	6
Phải thu khách hàng	834.678	-
Phải trả người bán	(9.264.536)	(26.600)
Tài sản tiền tệ khác	5.031	21.845
Vay ngắn hạn	(5.782.191)	-
	<hr/>	<hr/>
	(14.176.398)	(4.749)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.897	6
Phải thu khách hàng	84.905	-
Phải trả người bán	(221.596)	(52.600)
Vay ngắn hạn	(16.802.310)	-
	<hr/>	<hr/>
	(16.922.104)	(52.594)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
1 USD	21.220	20.860
1 EUR	27.352	27.712
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Phân tích độ nhạy cảm

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Nhóm công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần tại VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	
USD (mạnh thêm 1,7%)	(3.835.495.361)
EUR (yếu đi 1,3%)	1.266.473
	<hr/>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
USD (mạnh thêm 0,15%)	(444.718.223)
EUR (mạnh thêm 2,67%)	(31.925.243)
	<hr/>

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Nhóm công ty cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính – tiền và các khoảng tương đương tiền	25.680.389.431	48.635.480.071
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính - vay	(220.284.473.107)	(388.189.565.523)
	<hr/>	<hr/>

Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm giảm 1.652 triệu VND lợi nhuận thuần của Nhóm công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Nhóm công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường không có sẵn cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn.

Giá trị ghi sổ được trình bày trong bảng cân đối kế toán như sau, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính có thể khác với giá trị ghi sổ:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	25.680.389.431	48.635.480.071
- Đầu tư ngắn hạn	9.617.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	280.279.749.616	276.220.560.776
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(275.442.238.574)	(109.326.058.561)
- Các khoản vay	(220.284.473.107)	(388.189.565.523)
	<u>(180.149.572.634)</u>	<u>(172.659.583.237)</u>

25. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Giai đoạn từ	Giai đoạn từ
	1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Đầu tư ngắn hạn bằng cách cản trừ khoản phải thu	9.617.000.000	-
Xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	-	1.772.184.094
	<u>9.617.000.000</u>	<u>1.772.184.094</u>

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ, ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Thành viên Ban Giám đốc		
Lương và thưởng cho Ban Giám đốc	1.410.899.346	1.479.041.968

27. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Nhóm công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	17.209.411.184	882.726.413

(b) Thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	228.704.000	895.524.000
Từ hai đến năm năm	415.746.000	1.542.096.000
Trên năm năm	1.060.053.000	1.078.815.000
	<u>1.704.503.000</u>	<u>3.516.435.000</u>

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	698.407.540.203	570.913.526.976
Chi phí nhân công và nhân viên	12.312.680.996	10.514.236.543
Chi phí khấu hao và phân bổ	6.935.569.251	8.847.364.316
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.959.673.882	10.117.060.077
Chi phí khác	11.365.297.360	9.267.697.347

Ngày 13 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc